

Bản án số 24/2018/HSST

Ngày 22 - 03 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương và bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí , tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/QĐXXST-HS ngày 08/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Anh Đ**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 22/7/1981. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tổ 1, khu 1, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Vũ Thị B; có vợ: Đỗ Thị T, sinh năm 1993 (đã ly hôn) hiện không rõ ở đâu và 01 con sinh năm 2010; tiền án: Ngày 30/12/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 29/12/2017, tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 01/01/2018, tạm giam từ ngày 01/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Bùi Văn T1; sinh năm: 1991

Địa chỉ: Tổ 3, khu 1, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Trung T; sinh năm: 1974

Địa chỉ: Tổ 3, khu 1, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Đinh Hồng T2; sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 39B, khu 11, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa..

- Người làm chứng:

- Anh Mai Xuân H; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ 21, khu 3, phường TV, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Lại Văn C; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ 42A, khu 12, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Đỗ Thị L; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ 26, khu 6, phường BS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 05/12/2017, Nguyễn Anh Đ đi qua dãy phòng trọ của gia đình anh Lê Trung T (sinh năm 1974) thuộc tổ 3, khu 1, phường QT thì thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 34M9 -3010 của anh T cho anh Bùi Văn T1 (sinh năm 1991; hiện đang trọ tại nhà anh T) mượn dựng ở trước cửa phòng trọ, Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ lại gần thì thấy cửa phòng trọ mở, Đúc đi vào bên trong phòng, thấy anh T1 đang ngủ ở trên giường, trên đầu giường để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7. Đ lấy chiếc điện thoại trên rồi đi ra ngoài, thấy chìa khóa xe mô tô vẫn cắm ở trong ổ, Đ tiếp tục lấy và điều khiển chiếc xe mô tô này đi về nhà mình ngủ.

Sáng ngày 05/12/2017, Đúc điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được mang chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 trên đến quán điện thoại AT ở đối diện siêu thị điện máy Hali, thuộc phường QT, thành phố UB, nhờ chủ cửa hàng là anh Đinh Hồng T2 (sinh năm 1993) mở khóa mặt khóa chiếc điện thoại, rồi bán cho anh T2 với giá 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*). Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe trộm cắp được của anh T đến giấu tại một căn nhà bỏ hoang ở khu Dốc Đỏ, phường PĐ, thành phố UB rồi đi về nhà.

Sau khi bị mất chiếc xe mô tô trên, Anh T nhờ anh Mai Xuân H (sinh năm 1990; trú tại: phường TV, thành phố UB) tìm hộ. Anh H liên lạc với Nguyễn Anh Đ và hẹn gặp Đ tại khu vực Cột Đồng hồ, thuộc phường QT, thành phố UB. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/12/2017, Đ gặp anh H tại quán nước của chị Đỗ Thị L (sinh năm 1990) ở khu vực Cột đồng hồ. Đ thừa nhận đã trộm cắp tài sản như trên và hứa sẽ đem xe trả cho chủ sở hữu. Khoảng 22 giờ ngày 06/12/2017, Đ nhờ anh Lại Văn C (sinh năm 1990; trú tại phường TV, thành phố UB) mang xe mô tô đã trộm cắp đến gửi chị L nhờ chị đưa cho anh H. Sau đó, anh H đã giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra – Công an thành phố UB.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 113, ngày 17/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố UB kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 có giá 4.250.000đ (*bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số 34M9-3010 trị giá 10.000.000đ (*mười triệu đồng*); tổng giá trị tài sản là 14.250.000đ (*mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKSUB-QN ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh Đ, về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Đ từ 18 đến 24 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt. Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại anh Bùi Văn Th1; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Lê Trung T và anh Đinh Hồng T2; Những người làm chứng: anh Mai Xuân H; Lại Văn C; chị Đỗ Thị L, có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc định tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của Người bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 01 giờ ngày 05/01/2018, tại phòng trọ của anh Bùi Văn T1 tại tổ 3, khu 1, phường QT, thành phố UB, Nguyễn Anh Đ đã trộm cắp của anh T1 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 có giá 4.250.000đ và một xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số 34M9-3010 trị giá 10.000.000đ của anh Lê Trung T; tổng giá trị tài sản Đ trộm cắp là 14.250.000đ.

Xét về nhân thân, bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính lười lao động, muốn biến tài sản của người khác thành tài sản của mình qua con đường bất hợp pháp nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của anh Bùi Văn T1 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Bản thân bị cáo đã có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: **“Trộm cắp tài sản”** quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của VKSND TP Ưông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... ”.

[2] Về hình phạt:

Theo quy định về mức hình phạt đối với người phạm tội “**Trộm cắp tài sản**” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì đều có mức hình phạt từ sáu tháng đến ba năm. Tuy, bị cáo phạm tội khi Bộ luật hình sự 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt của hai điều luật là như nhau. Hiện nay Bộ luật Hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực và Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, nên áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và bị coi là tội phạm bởi nó xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, khiến tình hình trật tự trị an xã hội phức tạp. Bản thân bị cáo đã có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về việc làm của mình; sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, cần xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 BLHS thì ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập, nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 900.000đ bị cáo bán điện thoại cho anh Đinh Hồng T2, gia đình bị cáo đã trả lại cho anh T2, anh T2 không có yêu cầu gì về bồi thường nên không đề cập xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô Honda Dream biển số 34M9-3010, điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu trắng, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và

tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Anh Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[3] Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Anh Đ 18 (mười tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 29/12/2017.

[4] Áp dụng: khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Bị cáo Nguyễn Anh Đ phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Những người có QLNVLQ
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phúc Định